

# PARTY DEVELOPMENT IN THE SOUTH AND THE PLAN TO COORDINATE WITH THE NATIONAL BATTLEFIELD (1952-1954)

Nguyen Thi Mong Tuyen

Ho Chi Minh City Open University

Email: [tuyen.ntm@ou.edu.vn](mailto:tuyen.ntm@ou.edu.vn)

Received: 12/6/2024; Reviewed: 25/6/2024; Revised: 05/7/2024; Accepted: 30/7/2024; Released: 30/9/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/necd/317>

War, historically, the mobilization of large armies, the use of machine guns, tanks and bombs have been imperative. The Party and people of the South demonstrated the spirit of “rather sacrifice everything than lose the country, never become slaves” and set an example of Vietnamese revolutionary heroism, sacrificing themselves to fight for the independence of the Fatherland. From the time the Dien Bien Phu Campaign opened on March 13th, 1954, until the day of total victory on May 7th, 1954, the army and people of the South stepped up their attacks, took the initiative on the battlefield and expanded many liberated areas... In order to have a basis for a sufficient and correct assessment of the revolutionary reality in the South, this article focuses on Party building in the South and the strategy of coordinating with the battlefields of the whole country (1952-1954), specifically the South implementing the policy of Party rectification, army rectification, implementing the plan of coordinating the battlefields of the whole country, the front behind the enemy in the South with some typical battles.

**Keywords:** *Southern Vietnam; Central Office of Southern Vietnam; Dien Bien Phu Campaign; Party Building; Strategy; Battlefield; Vietnam.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ giành độc lập, nhân dân Việt Nam đã tập hợp lại phía sau Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) do Người sáng lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà lãnh đạo theo chủ nghĩa cộng sản chân chính, mang tính biểu tượng của khát vọng độc lập, được các nước và những người cộng sản hỗ trợ, tuy nhiên Chủ tịch Hồ Chí Minh và ĐCSVN vẫn giữ nguyên phương hướng chiến lược, chương trình cách mạng của riêng mình. Việc chớp đúng thời cơ khởi nghĩa là một vấn đề then chốt có ý nghĩa quyết định tới thắng lợi của mọi cuộc cách mạng. Nhận thức rõ tính chất quyết định, ý nghĩa chiến lược của thời cơ khởi nghĩa, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hành động kịp thời và kiên quyết, đưa ra chương trình cách mạng đúng đắn, đấu tranh giành độc lập cho đất nước mình trong phong trào cộng sản. Đảng lãnh đạo cách mạng miền Nam Việt Nam, vượt qua gian khổ, hy sinh để đặt nền móng cho sự nghiệp cách mạng chung cả nước trong hiện tại, mở ra tương lai cho thế hệ sau. ĐCSVN, với tư cách là đảng tiêu biểu, là duy nhất qua các giai đoạn lịch sử Việt Nam cần khẳng định vai trò to lớn với dân tộc và tự tin với thế giới một cách rõ ràng và quá khứ, hiện tại và tương lai.

Các Đảng chính trị và nền chính trị toàn cầu hiện nay đều có nguồn gốc từ lịch sử quá khứ.

Việc nghiên cứu lịch sử trước đây sẽ cung cấp cơ sở quan trọng để hiểu sâu sắc hơn về xã hội hiện đại của chúng ta. Nhiều thông tin được cung cấp về vấn đề toàn cầu như: kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đạo đức, pháp luật... Ở Việt Nam, việc nghiên cứu lịch sử có nhiệm vụ và chức năng quan trọng, đặc biệt nội dung xây dựng Đảng ở Nam Bộ (NB) và kế sách phối hợp với chiến trường cả nước (1952-1954) trong lịch sử có thể giúp các nhà lãnh đạo, nhà nghiên cứu và nhân dân tìm hiểu, xem lại lịch sử hào hùng của đất nước. Từ đó, rút ra được bài học kinh nghiệm cấp chiến lược, đưa ra những quyết định sáng suốt có tác động tích cực đến ổn định chính trị, xã hội, văn hóa và nền kinh tế hiện đại. Vai trò và nhiệm vụ của ĐCSVN trong giai đoạn hiện nay, là phải đảm bảo sự lãnh đạo cho nền hòa bình, phòng thủ chung trong chính sách quốc phòng, an ninh trong thời kỳ mới; đồng thời đảm bảo thực hiện các giá trị dân chủ, sống và chiến đấu vì lý tưởng cao cả là Độc lập - Tự do - Hạnh phúc và một nền hòa bình trên thế giới...

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Trong lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX của Việt Nam, NB là địa bàn có các sự kiện được ghi trong những trang sử hào hùng nhất của dân tộc được công bố ở trong và ngoài nước. Lịch sử NB kháng chiến, chủ thể là ĐCSVN đã đảm nhận trọng trách

là “người đi trước”, phối hợp nhất quán với lãnh đạo cấp trên trong nhiều nghịch cảnh của chiến tranh, bắt đầu từ chiến tranh Thái Bình Dương (năm 1941) đến những sự kiện chấn động địa cầu, kết thúc sự ảnh hưởng của Pháp ở Việt Nam và Đông Dương năm 1954.

NB với đất và người cùng tiến trình dựng nước và giữ nước để lại kho tàng lịch sử to lớn cho Việt Nam và nhân loại. Ngày 07/11/2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1431/QĐ-TTg ngày 07/11/2001 về việc thành lập Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến; đến ngày 25/01/2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 25/01/2002 về việc bổ sung thành viên Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến... Công trình này đã biên sử liệu khá đầy đủ, phản ánh bối cảnh thế giới chi phối, sự chủ động, nắm bắt mọi cơ hội, tình huống thuận lợi cho cách mạng miền Nam trong cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp. Đảng ở NB đã đặt NB trong lòng Việt Nam và thế giới trong kháng chiến 9 năm với các văn bản lịch sử đến nay vẫn còn nguyên giá trị, đó là Báo Cứu quốc Nam Bộ, Báo Lá lúa, Báo Tổ quốc trên hết, Báo Nhân dân miền Nam, Báo Phụ nữ cứu quốc, Tuần Báo Việt Xô hữu nghị, Phong trào báo chí nội thành, Đài phát thanh Sài Gòn - Chợ Lớn... giờ đây là di sản sống cho dân tộc. Công trình Đảng bộ lãnh đạo nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (tháng 9/1945 đến tháng 7/1954) đã ghi nhận rất nhiều Biên niên sự kiện của Đảng là chủ thể lãnh đạo nhân dân đánh thắng xâm lược Pháp như: Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt, Thành lập Trung ương Cục miền Nam, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam. Đặc biệt, với nghiên cứu Nghệ thuật quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) mà Bách khoa Tri thức Quốc phòng toàn dân đã ghi nhận, biên niên sự kiện có nhiều giá trị thực tế. Ngô Sĩ Quý sưu tầm bài Tri thức Pháp chống cuộc chiến tranh Việt Nam theo các tham luận trong cuộc hội thảo (diễn ra 2 ngày 6 và 7 tháng 2/1995) tại Paris về chủ đề: “Les guerres d’Indochine de 1945 à 1975” tại Institut d’Histoire. Nguyễn Mạnh Hà công bố tác phẩm về sự bất đồng giữa Cao ủy với Tổng chỉ huy Quân sự Pháp trong chiến tranh Việt Nam (1945-1954), đó là việc bàn lại những thất bại của Pháp ở Việt Nam trong tất cả các giải pháp chính trị, quân sự và kêu gọi giúp đỡ từ bên ngoài cuộc chiến về tiền, hàng hóa và vũ khí. Tác phẩm đã nhận xét “không có một mục tiêu nào được đặt ra cho cuộc chiến đấu sai lầm về đường

lối chính trị và chiến lược quân sự. Chẳng có một đường lối nào được xác định...”. Khi d’Argenlieu ra lệnh ném bom ở Hải Phòng ngày 20/11/1946, giết hại hàng nghìn dân thường, với mục đích phá hoại mọi cố gắng của Hồ Chí Minh trong cuộc chiến hòa bình Việt - Pháp, Hubert - Beuve - Mery là Tổng biên tập của tờ “Le Monde” (Thế giới) đưa ra thành ngữ “cuộc chiến tranh bản thi” đã để lại di chứng xấu, vượt thời gian, còn tồn tại đến ngày nay, mỗi khi người ta nhắc đến những cuộc chiến tranh phi nghĩa của Pháp đối với thuộc địa.

NB trong 9 năm, trong đó từ 1952-1954 khắc ghi những sự kiện thành chuyên đề đặc biệt này mang tính tổng hợp để soi thêm chính sử như sự vận động của Đảng, chính huấn, chính quân trong mọi tình huống từ phong trào đô thị, phong trào phụ nữ, Mặt trận truyền thông đại chúng, văn hóa nghệ thuật, kinh tế - tài chính, đấu tranh trong tù, tranh thủ bạn bè thế giới, xây dựng Đảng cách mạng trong đấu tranh và hòa bình.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp logic, thu thập thông tin dữ liệu từ các nguồn sơ cấp và thứ cấp. Tài liệu sơ cấp là nguồn chính lời kể trong các hồi ký, từ Báo cáo của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ năm 1950 đến năm 1953 (lưu tại Phòng Khoa học và Công nghệ Quân khu 7), Báo cáo năm 1952 của Trung ương Cục, Hồ sơ A98-LS/CCT/QK7, Hồ sơ số 1659 lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia Hà Nội, các bài viết đã công bố, tài liệu pháp lý (Văn kiện, Nghị quyết...), hiện vật, ảnh, bài báo, nhật ký và thư từ. Tài liệu thứ cấp bằng các cách mô tả sự kiện lịch sử, phân tích, tổng hợp và giải thích sự kiện. Sau đó đánh giá thông tin, sự kiện lịch sử cụ thể, góp phần hiểu thêm về tầm quan trọng của những sự kiện một giai đoạn lịch sử, giữ gìn và cung cấp các quan điểm lịch sử. Lịch sử hiện đại có nguồn gốc từ quá khứ, do đó, bài viết còn có sử dụng phương pháp dự báo từ việc nghiên cứu toàn diện các yếu tố khách quan và chủ quan; thuận lợi, khó khăn, thách thức, những biến động trong tương lai có thể giúp Đảng vận dụng đưa ra những quyết định lãnh đạo sáng suốt.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Khát quát tình hình Nam Bộ

NB được gọi tên chính thức từ năm 1945. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đức Nghinh cho rằng vùng đất NB qua các giai đoạn lịch sử có nhiều thay đổi về tên gọi. Khi khai khẩn, năm 1698 Nguyễn Hữu Cảnh lập bộ máy hành chính để quản lý, gọi là Phủ Gia Định. Năm 1802, Phủ Gia Định được đổi thành Trấn Gia Định và đổi thành Thành Gia Định vào năm 1808. Thành Gia Định lúc đó bao

gồm 5 trấn: Biên Hoà, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên. Năm Minh Mạng thứ 15 (năm 1834) Thành Gia Định tiếp tục được đổi thành Nam Kỳ. Nam Kỳ gồm 6 tỉnh: Gia Định, Định Tường, Biên Hoà, An Giang, Vĩnh Long, Hà Tiên. Tên Nam Kỳ được dùng đến khi Pháp xâm chiếm (Nghinh, 1987). Theo Tổng cục thống kê năm 2024, NB được dùng chỉ vùng đất ngày nay từ tỉnh Bình Phước đến điểm cực Nam của tỉnh Cà Mau, có diện tích đất tự nhiên của các tỉnh phía Nam là 77.700 km<sup>2</sup>.

Do lịch sử quy định, NB có nhiều biến động. Xã hội thuộc địa, với lưu dân bản địa, người mới đến, đều bị thực dân Pháp gây tác động xấu. Điều kiện kinh tế kém cỏi, nghèo nàn, lạc hậu. Cuộc sống NB luôn bị xáo trộn, nguy hiểm vì chiến tranh đeo bám, kéo dài. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, người NB luôn giữ được đặc tính, cốt cách, tinh thần dân tộc đặc trưng, chủ động ứng phó với mọi tình huống, tự lực, tự chủ, không thụ động trước khó khăn, luôn đoàn kết, yêu thương đồng bào cùng cảnh ngộ, thể hiện bản lĩnh sống hoài bão, giàu ước mơ. Đặc biệt, người NB siêng lao động, giàu nhân ái, sẵn sàng hy sinh, bất khuất, chống áp bức, bất công, yêu chuộng dân chủ tự do, trọng nghĩa tình, sống có đạo đức và dũng cảm trong đấu tranh chống giặc. Những yếu tố này đã hình thành nên một “Nam Bộ hóa”, luôn có sức hút, thích ứng chuyển hóa và tiếp biến tích cực. Con người NB tạo nên “vùng động lực phát triển” trong suốt thời kỳ có chiến tranh và sau này.

Năm 1951, thời gian 10 năm sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước, để giải quyết những yêu cầu nhiệm vụ cách mạng khẩn cấp khi Hoa Kỳ có ảnh hưởng gián tiếp vào Đông Dương và Việt Nam thông qua viện trợ cho Pháp, thế và lực của cách mạng Việt Nam đang lên cao, Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II tại xã Vinh Quang, Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang - Chiến khu Việt Bắc từ ngày 11-19/2/1951 (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr.475). Bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố mục tiêu của Đảng gồm trong 8 chữ vàng “Đoàn kết toàn dân, phụng sự tổ quốc”.

Ở NB lúc này được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II chủ trương “Tổ chức các cục Trung ương để chỉ đạo các địa phương xa”. Thực hiện chủ trương đó, tháng 3/1951, Hội Nghị Trung ương lần thứ I (khóa II) quyết định thành lập Trung ương Cục Miền Nam gồm các ủy viên Trung ương hoạt động ở NB (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr.467). Để thống nhất chỉ đạo, Trung ương Cục sắp xếp lại tổ chức, điều chỉnh chiến trường, tổ chức lại lực lượng vũ trang được tổ chức lại đủ thành 3 thứ quân, tinh gọn và hiệu quả.

Từ năm 1951 đến giữa năm 1953, với cả nước,

giai đoạn giằng co quyết liệt giữa lực lượng kháng chiến và quân đội Pháp, Trung ương Cục nêu rõ: “Riêng ở NB, thế giằng co của ta còn thấp kém, vì du kích chiến tranh chậm phát triển, lực lượng ta còn kém nhiều hơn địch. Do đó mà phương châm chiến lược của ta ở NB vẫn là: “*du kích chiến là chính, học tập vận động chiến*”. Giữ sự lãnh đạo thống nhất toàn NB, tránh bị cắt đứt Miền Tây và Miền Đông, quyết giữ vững Miền Trung (Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 7. 2003, tr.265). Cuối năm 1953, NB chuyển sang thế tiến công, ở Phân Liên Khu Miền Đông có chiến thắng của Trần Kinh Bửu ở (từ trận chống càn, sau chuyển thành chiến dịch tiến công địch trên diện rộng và Phân Liên Khu Miền Tây thắng Trận vàm Như Nguyệt (Tiểu đoàn 307 chủ lực).

Năm 1954, mở đầu cho Hội nghị Geneve, từ tháng 1-4/1954, Hội nghị Geneve đã đưa ra Hiệp định Geneve giữa miền Bắc Việt Nam và Pháp (ngày 20/07/1954). Hoa Kỳ không phải là bên ký kết Hiệp định Geneve nên không công nhận Chính phủ miền Bắc Việt Nam. Việt Nam bị chia cắt dọc theo vĩ tuyến 17, với các chế độ riêng biệt ở miền Bắc và miền Nam. Hoa Kỳ tiếp tục can thiệp, duy trì Đại sứ quán tại Sài Gòn và tiến hành quan hệ ngoại giao duy nhất với Chính phủ dựng lên ở miền Nam Việt Nam, vào năm 1955 đã tự tổ chức lại thành Việt Nam Cộng hòa (William S. White.1954, tr.1). Vị thế quân sự của Pháp tiếp tục suy thoái và bị bao vây tại Điện Biên Phủ.

## 4.2. Sự can dự của Hoa Kỳ và giải pháp tài chính cho mục tiêu chính trị mới của Pháp năm 1952-1954

### 4.2.1. Chính sách tài chính mới của Hoa Kỳ với Pháp ở Việt Nam

Từ năm 1950-1954, Hoa Kỳ đã đóng góp khoảng 1,1 tỷ USD cho Pháp để tiếp tục chiến tranh, trong đó có khoảng 746 triệu USD trang thiết bị quân đội được chuyển trực tiếp cho Quân đoàn viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tuy nhiên, bất chấp tầm quan trọng của khoản viện trợ này, các cố vấn Mỹ hầu như không thực hiện được bất kỳ quyền giám sát nào (Verne L. Bowers, 1974). Điều đó cho biết, Hoa Kỳ ủng hộ và thúc đẩy lợi ích của Pháp ở Đông Dương là nhằm mục đích ngăn chặn sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản ra khắp Châu Á.

Năm 1952, Hoa Kỳ có khả năng tham gia ra quyết định ở Đông Dương, làm đảo lộn thế trận, loại bỏ sự kiểm soát của những người cộng sản. Trong năm này, Hoa Kỳ đưa ra chương trình An ninh “Tương hỗ”, tuyên bố các mục tiêu của mình về an ninh tập thể, như quyền tự quyết, miễn là nó phù hợp với lợi ích quốc gia của Hoa Kỳ (Washington, FRUS, Vol. II, National Security Affairs, Part I, p.174). Chương

trình cũng kêu gọi hỗ trợ các quốc gia đồng minh để tăng cường phòng thủ cho Thế giới Tự do. Nguồn tài trợ cần thiết cho chương trình lên tới gần 8 tỷ đô la, một phần trong số đó sẽ được chuyển tới Lực lượng Pháp-Việt ở Đông Dương (August 31<sup>st</sup>, 1954, Washington, FRUS, Vol. I, General: Economic and Political Matters, Part I, p.745).

Năm 1953, chính sách của Mỹ dần chi phối mạnh hơn đối với Đông Dương khi sức mạnh quân sự của Pháp suy giảm. Tư duy và hoạch định chính sách của Hoa Kỳ theo xu hướng coi chủ nghĩa cộng sản theo thuật ngữ “nguyên khối” với tên gọi là “thuyết domino”. Do đó, Việt Nam được xem là một phần của biểu hiện của Châu Á và Đông Nam Á có phong trào cộng sản ảnh hưởng trên toàn thế giới.

#### 4.2.2. Giải pháp tài chính và chính sách thực dân hóa của Pháp tại Việt Nam 1952-1954

Từ tháng 7/1950, theo tuyên bố hỗ trợ, Hoa Kỳ cung cấp cho Pháp gần 300 triệu USD vũ khí và thiết bị quân sự. Tại hội nghị Mỹ, Pháp và Anh ở Paris thảo luận về Đông Nam. Ngày 28/5/1952, Hoa Kỳ đồng ý tăng thêm 150 triệu USD trong năm tài chính 1952-1953 cho quân sự viện trợ cho Pháp và Chính phủ Bảo Đại Việt Nam. Do đó, viện trợ quân sự của Mỹ sẽ chiếm 40% chi phí chiến tranh ở Đông Dương.

Năm 1953, Pháp tiếp tục một đường lối chính trị thiếu nhất quán. Chính phủ Pháp tuyên bố “Độc lập cho các Quốc gia liên kết trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp”, nhưng đó chỉ là điểm nhấn cho các quốc gia liên kết vào nền độc lập của nước mình hay là sự liên kết của họ trong khối liên hiệp Pháp (Henri Navarre, 2004). Tuyên bố là vậy nhưng thực tế Pháp vẫn muốn ràng buộc, còn ba nước Đông Dương đòi phải có ngay một nền độc lập hoàn toàn. Trên thực tế, thực dân Pháp vẫn chưa có ý định trao trả nền độc lập hoàn toàn cho Việt Nam. Vì vậy, ngày 15 và 16/10/1953, Quốc hội Việt Nam của chính quyền Bảo Đại đã họp tại Sài Gòn để bày tỏ quan điểm không muốn gia nhập Khối liên hiệp Pháp (Bảo Đại: Con rồng An Nam, Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 1982. Lưu tại Thư viện Lịch sử Quân sự, Ký hiệu VL-3627).

Ngày 20/7/1954, Hội nghị Geneva đã đưa ra Hiệp định Geneva giữa miền Bắc Việt Nam và Pháp. Các điều khoản bao gồm ủng hộ sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Đông Dương, trao cho nước này quyền độc lập khỏi Pháp, tuyên bố chấm dứt chiến sự và can thiệp của nước ngoài vào các vấn đề nội bộ của Đông Dương, đồng thời phân định các khu vực phía Bắc và phía Nam để quân đội đối lập phải rút lui. Các Hiệp định bắt buộc phải thống nhất trên cơ sở các cuộc bầu cử tự do được

quốc tế giám sát sẽ được tổ chức vào tháng 7/1956.

#### 4.3. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Nam Bộ từ năm 1952-1954

##### 4.3.1. Đảng bộ Nam Bộ thực hiện chủ trương chính huấn, chính Đảng, chính quân

Nghị định số 252/NĐ-51 của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, thực hiện chủ trương của Trung ương Cục Miền Nam cho giải thể khu 7, 8, 9 sáp nhập 20 tỉnh Nam Bộ thành 11 tỉnh ghép. NB có hai Phân liên khu: Phân liên khu Miền Đông (Gia Định, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Tân An, Gò Công, Long Biên Tiền - Long Châu Sa, Sa Đéc), với lãnh đạo chủ chốt là Lê Duẩn, sau đó là Phạm Hùng và Phân liên khu miền Tây (Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Rạch Giá, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Châu Hậu, Hà Tiên), lãnh đạo là Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Cúc - Mười Cúc - Nguyễn Văn Linh, lấy sông Tiền làm ranh giới và đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn (Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2022).

Bộ Tư lệnh Nam Bộ chỉ huy báo cáo, truyền mệnh lệnh quân sự của Trung ương Cục trên toàn chiến trường Nam Bộ. Lực lượng vũ trang, gồm ba thứ quân. Đầu năm 1952, Trung ương Cục đưa ra phương châm chiến lược bấy giờ là: “du kích chiến là chính, học tập vận động chiến”, thực hiện chủ trương chung là “chủ động kiểm chế địch trên chiến trường NB và tiến lên kịp với phong trào toàn quốc; giữ vững sự lãnh đạo thống nhất toàn NB, tránh bị cắt đứt giữa Miền Tây và Miền Đông, quyết giữ vững miền Trung” (Bộ tư lệnh Quân khu 9, 1996, tr.168).

Ban Chấp hành Trung ương đã thống nhất định chỉ công tác kết nạp đảng viên mới để mở lớp học chấn chỉnh về Đảng bằng Chi thị số 28/CT-TW ngày 14/9/1950. Do đó, Hội nghị Trung ương 2 (khóa II từ ngày 27/9 đến ngày 5/10/1951) và Hội nghị Trung ương 3 (1952) ra Nghị quyết tiếp tục chỉnh Đảng, chỉnh quân. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Trung ương rất mong rằng, trong cuộc chỉnh huấn này, các đồng chí cố gắng thi đua học tập và rèn luyện để trở thành cán bộ gương mẫu, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng, của chính phủ, của quân đội và của nhân dân, trở nên những chiến sĩ đặc lực nhất trong sự nghiệp xây dựng Đảng và giúp Đảng đưa kháng chiến đến thắng lợi, kiên quốc thành công” (Văn kiện Đảng 1951-1952, tr.308).

Hai năm (1952-1953), ở NB, các trường Đảng Trường Chinh, trường Đảng Nguyễn Văn Cừ của Trung ương cục phối hợp các lớp huấn luyện của ngành, đoàn thể từ các tỉnh đều thực hiện nghiêm túc kế hoạch chấn chỉnh. Toàn NB có 63.411 đảng

viên (trên 5,5 triệu dân, trong đó có 1,9 triệu quân chúng có tổ chức); trong 1.214 xã thì có 1.075 xã có chi bộ và có chính quyền vừa công khai, vừa bí mật trên toàn Nam Bộ. Kiểm điểm trong chính huấn Đảng, tập trung nhất vào những vấn đề lớn như sau:

(1) Về những thể hiện tư tưởng hữu khuynh và tả khuynh trong lãnh đạo, chỉ đạo.

(2) Về những sai lầm khuyết điểm trong việc phát triển đảng viên ở ạt lúc cao trào dẫn đến kết nạp cả tề nguy, địa chủ và những phần tử xấu khác vào Đảng. Lơi lỏng trong công tác bảo vệ Đảng để nội gián chui vào tổ chức Đảng. Sau đó lại đóng cửa không phát triển đảng một cách cứng nhắc, tạo ra sự hụt hẫng trong xây dựng Đảng.

(3) Về ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quan liêu, xa rời quần chúng...

(4) Hội nghị Trung ương Cục đầu năm 1952 và đề ra nhiệm vụ Chính trị năm 1952.

Các lớp học chính huấn có nội dung, phương pháp học tập phù hợp, nâng cao nhận thức hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu là: “Xây dựng, đào luyện, củng cố cho các chi bộ trở thành thực tế những chi bộ tích cực chiến đấu, chết sống với giặc, tích cực lãnh đạo nhân dân chiến đấu với giặc trong vùng bị tạm chiếm, trong vùng độc lập, ở xã, ở bộ đội địa phương, ở các đại đội chủ lực”; với khẩu hiệu: “Giữ người, giữ của, xây dựng người, xây dựng của, giành giật người, giành giật của với giặc để đánh giặc, chống sự cướp người, cướp của của giặc, chống sự mê hoặc người, lôi kéo người, thu hút tài sản của giặc” (Báo cáo năm 1952 của Trung ương Cục. Hồ sơ A98-LS/CCT/QK7).

Báo cáo ngày 7/7/1953 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Mỹ Tho về Hội nghị tuyên huấn năm 1952 do Phân liên khu miền Đông tổ chức đã tổng kết học tập: “Đoàn kết toàn dân, đấu tranh về mọi mặt văn hóa, kinh tế, chính trị, quân sự để bảo vệ giành giật người, của, phá âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Phương châm hoạt động: Trường kỳ mai phục, sức tích lực lượng, nắm thời cơ tốt mà hành động. Phương châm đấu tranh: Hợp pháp và bán hợp pháp là chính, cần bản là dân vận, phá hoại, rồi mới phát triển du kích chiến tranh...” (Bản số 5, Hồ sơ số 1: Phòng Tỉnh đội Mỹ Tho, Kho lưu trữ K4BQP). Chính huấn Đảng, chính quân đã góp phần rất quan trọng nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng, sức mạnh của quân dân ta, đẩy mạnh kháng chiến, tích cực đối phó có hiệu quả với kế hoạch Henri Navarre, vươn lên thể chủ động trong chiến dịch Thu Đông và Đông Xuân năm 1953-1954.

4.3.2. *Nam Bộ trong kế hoạch phối hợp chiến trường cả nước*

Hội nghị Trung ương tháng 1/1953, Trung ương Đảng đã thông qua kế hoạch tác chiến Đông Xuân năm 1953-1954 do Tổng Quân ủy chuẩn bị, để giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận chính diện và sau lưng địch trên phạm vi cả nước và toàn Đông Dương. Riêng đối với mặt trận sau lưng địch ở miền Nam:

(1) Đẩy mạnh chiến tranh du kích, củng cố phát triển căn cứ du kích và khu du kích.

(2) Đẩy mạnh vận động binh lính địch, phá kế hoạch xây dựng quân đội, dòn dân của địch.

(3) Tùy tình hình, sử dụng một bộ phận chủ lực tiến sâu vào vùng sau lưng địch phối hợp với quân địa phương và dân quân du kích đánh tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch; đẩy mạnh đấu tranh phá tan kế hoạch bình định của địch, thu hẹp vùng địch tạm chiếm đóng, mở rộng vùng tự do, phối hợp với mặt trận chính (Ban chỉ đạo và Ban biên tập truyền thông Tây Nam Bộ, 2000, tr.281-282).

Ngày 8/6/1953, thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam đề ra 5 nhiệm vụ của chiến trường Nam Bộ (Ban chỉ đạo và Ban biên tập truyền thông Tây Nam Bộ, 2000, tr.261-263).

*Một là*, tăng cường mọi mặt công tác địch hậu, chú ý công tác dân vận và địch nguy vận, lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày với địch, chủ yếu là đấu tranh kinh tế, văn hóa, chính trị.

*Hai là*, phát động chiến tranh du kích mạnh mẽ, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực nhỏ của địch; chống, phá các cuộc càn quét, chiếm đóng lan rộng của địch vào vùng du kích và căn cứ du kích, đặc biệt chống biệt kích và chống gián điệp.

*Ba là*, đẩy mạnh tăng cường sản xuất, tiết kiệm, thực hiện thăng bằng thu chi, quản lý xuất nhập khẩu chặt chẽ; chống trốn thuế; chống quan liêu, tham ô, lãng phí; đồng thời nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, thực hiện bồi dưỡng sức dân, đoàn kết toàn dân.

*Bốn là*, phát động quần chúng nhân dân thực hiện chính sách cấp ruộng đất tịch thu của Pháp và Việt gian cho dân cày, tiến hành giảm tô, giảm tức.

*Năm là*, chinh quân, chinh Đảng, chinh đồn Nông hội.

Phong trào đấu tranh của đồng bào Sài Gòn - Chợ Lớn và các đô thị miền Nam được duy trì và phát triển liên tục cho đến ngày kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Có thể nói, từ khi Chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn ngày 13/3/1954, đến ngày toàn thắng 7/5/1954, quân và dân Nam Bộ đã đẩy mạnh tiến công, giành

quyền chủ động chiến trường, mở rộng nhiều vùng giải phóng. Bộ đội liên tục bao vây, tiến công tiêu diệt đồn bốt và những vị trí then chốt sát các vùng đô thị bị địch tạm chiếm... đã kim chân địch, gây cho chúng nhiều tổn thất, góp phần quan trọng vào chiến thắng Điện Biên Phủ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

### 5. Thảo luận

Trong chiến tranh, các bên tham chiến đều có lý do để được tồn tại, chiến đấu và giành chiến thắng. Cách mạng Việt Nam thành công luôn là nhờ những “người đi trước”, mở đường cùng với các quyết định lịch sử như chính sách kiến sáng tạo và đột phá mục tiêu. Bên cạnh Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự thì Đảng ta có Chiến lược phòng thủ bằng các chính sách mềm dẻo, khéo léo và điều vô cùng quan trọng. Giai đoạn 1952-1954, Chính phủ Pháp nhiều lần thay tham mưu quân đội mới, các Tướng của Pháp được bổ sung để điều chỉnh lại lực lượng quân sự. Mặt khác, Hoàng đế Bảo Đại đóng vai trò là binh phong chính trị cho nỗ lực của Pháp nhằm duy trì quyền kiểm soát, gây ra xung đột nhóm lợi ích người Việt và người Pháp. Do đó, Trung ương Đảng đã có chiến lược xây dựng ý thức cách mạng, nhận thức lịch sử và chủ động chinh quân trong tình trạng chiến tranh kéo dài rất kịp thời và phù hợp.

Đồng thời, toàn thể đảng viên ĐCSVN kiên quyết theo tư tưởng Hồ Chí Minh, có niềm tin vào độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trung thành

với nguyên lý cơ bản là phục vụ nhân dân, tận tâm trau dồi tình cảm đạo đức cao đẹp, nỗ lực phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, liêm chính, tự giác, chịu sự giám sát, mãi mãi giữ bản chất cao đẹp, trong sạch của Đảng.

### 6. Kết luận

Trong cuộc đấu tranh sinh tồn của quân và dân Việt Nam chống thực dân Pháp (1945-1954), ĐCSVN đã chủ trương thực hiện nhiều chiến lược quân sự tiến công mới làm thất bại âm mưu và chính sách của thực dân Pháp và can thiệp Hoa Kỳ, trong đó có một ẩn số là cách giam chân những bộ phận quan trọng quân cơ động của địch, không cho chúng điều lực lượng quân sự từ NB để tiếp viện cho chiến trường Điện Biên Phủ và các chiến trường khác. Hoàn cảnh lịch sử đã đặt cho NB trọng trách là “người đi trước” theo cách mạng, chống bắt theo lính Pháp. Đứng trước khó khăn từ cuộc chiến kéo dài, leo thang, nhân dân NB bình tĩnh, theo dõi chắc tình hình từ Trung ương Cục, siết chặt đội ngũ chiến đấu để từng bước vượt qua nhiều cản trở, đẩy mạnh phong trào đấu tranh du kích, địch nguy vận, mở rộng vùng giải phóng, đưa chiến trường NB phối hợp cả nước giành chiến thắng. Đảng bộ và nhân dân NB thể hiện tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” nêu gương về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, xả thân đấu tranh vì độc lập của Tổ Quốc.

### Tài liệu tham khảo

Archimedes L. A. Patti. (2008). *Tại sao Việt Nam*. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy Mỹ Tho. (1953). *Bản số 5, Hồ sơ số 1*. Phòng Tỉnh đội Mỹ Tho, kho lưu trữ K4BQP.

Ban Tổng kết chiến tranh Thành ủy TP. Hồ Chí Minh. (1994). *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945-1975)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Ban Chỉ đạo và Ban Biên tập truyền thông Tây Nam Bộ. (2000). *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến (1945-1975)*. Cần Thơ: Nxb. Cần Thơ.

Ban Nghiên cứu lịch sử Trung ương. (1980). *Văn kiện Đảng 1951-1952*, tập 4, quyển 1. Hà Nội.

Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông. (1954). *Báo cáo tình hình tổng quát Phân liên khu miền Đông từ tháng 9/1953 đến cuối tháng 5/1954*. Tài liệu LS-53, lưu tại Phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7.

Bộ Tư lệnh Quân khu 9. (1996). *Quân khu ba mươi năm kháng chiến 1945-1975*. Hà Nội: Nxb. Quân Đội nhân dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2001). *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 12*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.

Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 7. (2003). *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị Lực lượng vũ trang Quân khu 7 (1945-1954), tập 1*. Hà Nội: Nxb. Quân Đội nhân dân.

Đảng ủy Bộ Tư lệnh Quân khu 9. (2018). *Tiểu đoàn 307 trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1948-1954)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Foreign Relations of the United States. (1951). *Asia and the Pacific (in two parts), Volume VI, Part 1*. <https://search.library.wisc.edu/digital/AKGXUB34WDRDHQ8L/pages?as=text&view=scroll>

- Foreign Relations of the United States. (1952). *The Minister at Saigon (Heath) to the Department of State*, Vol. XIII, Part I, p.11. Saigon.  
<https://history.state.gov/historicaldocuments/frus1952-54v13p1/d26>
- Giáp, V. N. (1970). *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
- Harold S. Callender. (1953). Paris Debate on Indo-China Shows Differences with U.S. *New York Times*, July 24, 1953, p.3.
- Henri Navarre. (2004). *Đông Dương hấp hối*. Hà Nội: Nxb. Công an nhân dân.
- Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến. (2020). *Biên niên sự kiện lịch sử Nam Bộ kháng chiến 1945-1975*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến. (2022). *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến - tập I (1945-1954)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Liệu, V. Đ. (2000). *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến (1945-1975)*. Cần Thơ: Nxb Cần Thơ.
- Nghinh, N. Đ. (1987). Về quyền sở hữu ruộng đất khẩn hoang dưới thời phong kiến. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5+6, tr.236-237.
- The Ambassador in France (Bruce) to the Secretary of State. (1951).  
<https://history.state.gov/historicaldocuments/frus1951v06p1/d317>
- Thêm, Đ. (1966). *Hai mươi năm qua 1945-1964, việc từng ngày*. Sài Gòn: Nxb. Nam Chi Tùng Thư.
- Trà, T. V. (2005). *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.
- Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự. (1982). *Bảo Đại: Con rồng An Nam*. Lưu tại Thư viện Lịch sử Quân sự, ký hiệu VL-3627.
- Verne L. Bowers. (1974). *The Development and Training of the South Vietnamese Army (1950-1972)*. Library of Congress Catalog Number: 74-34409.  
[https://history.army.mil/html/books/090/90-10/cmhPub\\_90-10.pdf](https://history.army.mil/html/books/090/90-10/cmhPub_90-10.pdf)
- William S. White. (1954). Senate Weighs Indo-China; Bipartisan Stand Shapes Up. *New York Times*, April 7, p.1.

## XÂY DỰNG ĐẢNG Ở NAM BỘ VÀ KẾ SÁCH PHỐI HỢP VỚI CHIẾN TRƯỜNG CẢ NƯỚC (1952-1954)

Nguyễn Thị Mộng Tuyền

Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh

Email: [tuyen.ntm@ou.edu.vn](mailto:tuyen.ntm@ou.edu.vn)

Nhận bài: 12/6/2024; Phản biện: 25/6/2024; Tác giả sửa: 05/7/2024; Duyệt đăng: 30/7/2024; Phát hành: 30/9/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/317>

Chiến tranh, về mặt lịch sử, việc huy động các đội quân lớn, sử dụng súng máy, xe tăng và bom đạn là bắt buộc phải có. Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ thể hiện tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” nêu gương về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, xả thân đấu tranh vì độc lập của Tổ Quốc. Từ khi Chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn ngày 13/3/1954, đến ngày toàn thắng ngày 07/5/1954, quân và dân Nam Bộ đã đẩy mạnh tiến công, giành quyền chủ động chiến trường, mở rộng nhiều vùng giải phóng... Để có cơ sở đánh giá đủ và đúng thực tế cách mạng miền Nam, bài viết này tập trung vào việc xây dựng Đảng ở Nam Bộ và kế sách phối hợp với chiến trường cả nước (1952-1954), cụ thể là Nam Bộ thực hiện chủ trương chính huấn Đảng, chính quân, thực hiện kế hoạch phối hợp chiến trường cả nước, mặt trận sau lưng giặc ở miền Nam với một số trận đánh tiêu biểu.

**Từ khóa:** Nam Bộ; Trung ương Cục miền Nam; Chiến dịch Điện Biên Phủ; Xây dựng Đảng; Kế sách; Chiến trường; Việt Nam.